TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/DS-PT
Ngày 15– 01– 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Út– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 06 /2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A; Cư trú: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông B; Cư trú: KDC tổ S, Khu vực B, Phường A, quận K, thành phố Cần Thơ - Theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 12/8/2019 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà C (có mặt);

2. Ông D (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư E, Luật sư của Văn phòng E, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: đường K, khóm S, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông: NLC 1; Cư trú: ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông NLC 2; Cư trú ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2019 của bà A và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông B trình bày:*

Vợ chồng bà C, ông D là khách hàng thân thiết đến sấy lúa ở lò sấy lúa của bà A. Trong thời gian năm 2018 và năm 2019, vợ chồng bà C, ông D hỏi tiền của bà A nhiều lần để mua lúa. Khi nào bà A có tiền thì bà A cho vay, khi bà A không có tiền thì bà A hỏi vay của người khác cho bà C, ông D vay lại.

Ngày 19/12/2018 âm lịch bà A cho bà C, ông D vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, đây là khoản nợ mà bà A vay tiền của người quen cho bà C, ông D vay. Mỗi lần vay tiền thì bà C có ghi vào sổ vay nợ của bà A, khi bà C trả tiền thì bà A với bà C đối chiếu sổ vay nợ, trả khoản vay nào thì ghi chữ rồi (R) vào chính khoản vay đó. Khi vay bà C, ông D hẹn đến tháng 6 năm 2019 âm lịch trả. Khoản vay này bà C, ông D đóng lãi từ ngày vay đến tháng 3 năm 2019 số tiền là 37.500.000 đồng, tháng 4 năm 2019 bà C không đóng lãi, đến tháng 5 năm 2019 thì bà C đóng lãi 02 tháng (tháng 4 và tháng 5) số tiền là 25.000.000 đồng.

Bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà C cùng chồng là ông D có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền là 500.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật đến khi xét xử số tiền là 34.859.996 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 534.859.996 đồng.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà C trình bày:*

Bà C thừa nhận vào ngày 19/12/2018 âm lịch (nhằm ngày 24/01/2019 dương lịch) bà C có vay của bà A số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, việc bà C vay tiền của bà A thì ông D đồng ý. Khi bà C vay tiền của bà A thì bà C tự ghi vào sổ nợ của bà A dòng chữ "19/12 thi hỏi 500 triệu". Từ khi vay tiền của bà A thì bà C đã đóng lãi cho bà A được 04 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 19/01/2019 âm lịch (ngày 23/02/2019 dương lịch), bà C đóng lãi cho bà A 12.500.000 đồng;

- Lần 2: Vào ngày 19/02/2019 âm lịch (ngày 24/3/2019 dương lịch), bà C đóng lãi cho bà A 12.500.000 đồng;

- Lần 3: Vào ngày 26/3/2019 âm lịch (ngày 30/5/2019 dương lịch), bà C đóng lãi cho bà A 12.500.000 đồng;

- Lần 4: Vào ngày 22/5/2019 âm lịch (ngày 24/6/2019 dương lịch), bà C đóng lãi cho bà A 25.000.000 đồng (tháng 4 và tháng 5), đóng tiền lãi 04 lần không có làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến.

Đồng thời vào ngày 26/3/2019 âm lịch (ngày 30/5/2019 dương lịch) bà C đã trả đủ số tiền vốn là 500.000.000 đồng cho bà A, trả tiền 01 lần, việc trả tiền không có làm biên nhận cũng không có ai chứng kiến, vì theo thói quen giao dịch giữa bà C và bà A, khi bà C trả tiền cho bà A thì bà A sẽ tự ghi chữ R vào phía sau dòng chữ bà C ghi sổ tiền vay, nhưng lần trả tiền này bà A không có ghi chữ R vào phía sau dòng chữ "19/12 thi hỏi 500 triệu".

Bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A, lý do bà C đã trả số tiền vay vốn là 500.000.000 đồng cho bà A rồi, số tiền lãi bà C đã trả cho bà A 05 tháng (từ tháng 12/2018 đến tháng 5/2019) là 62.500.000 đồng thì bà C không yêu cầu Tòa án xem xét lại phần lãi đã đóng.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông D trình bày:*

Ông D thống nhất với lời trình bày của bà C. Ông D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A, lý do ông D, bà C có vay tiền của bà A nhưng ông D, bà C đã trả rồi hiện nay ông D, bà C không có nợ tiền vay của bà A nên không đồng ý trả.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS - ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc các bị đơn bà C, ông D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay là 534.859.999 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 34.859.999 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về lãi suất chậm thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2019, bị đơn bà C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn trả lại số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn 02 tháng (tháng 4 và tháng 5/2019AL) với số tiền là 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn bà C không rút lại đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C và ông D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà C và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà C là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà A vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C và ông D đều thừa nhận vào ngày 19/12/2018 âm lịch, vợ chồng ông bà có vay của bà A số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng và bà C có ghi vào sổ mượn tiền của bà A. Khi bà C trả tiền thì bà A với bà C đối chiếu sổ vay nợ, trả khoản vay nào thì ghi chữ rồi (R) vào chính khoản vay đó. Khi vay bà C, ông D hẹn đến tháng 6 năm 2019 âm lịch trả. Khoản vay này bà C, ông D đóng lãi từ ngày vay đến tháng 3 năm 2019 số tiền là 37.500.000 đồng, tháng 4 năm 2019 bà C không đóng lãi, đến tháng 5 năm 2019 thì bà C đóng lãi cho bà A 02 tháng (tháng 4 và tháng 5) số tiền là 25.000.000 đồng. Nay bà A yêu cầu bà C cùng chồng là ông D có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền là 500.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật đến khi xét xử số tiền là 34.859.996 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 534.859.996 đồng. Phía bà C và ông D không đồng ý theo yêu cầu của bà A, vì ông bà cho rằng ngày 26/3/2019 âm lịch (ngày 30/4/2019 dương lịch) bà C đã trả đủ số tiền vốn là 500.000.000 đồng cho bà A, trả tiền 01 lần, việc trả tiền không có làm biên nhận cũng không có ai chứng kiến, vì theo thói quen giao dịch giữa bà C và bà A, khi bà C trả tiền cho bà A thì bà A sẽ tự ghi chữ R vào phía sau dòng chữ bà C ghi số tiền vay, nhưng lần trả tiền này bà A không có ghi chữ R vào phía sau dòng chữ "19/12 thi hỏi 500 triệu".

[3] Đối với kháng cáo của bà C về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu bà trả số tiền 500.000.000 đồng**. Xét thấy**, khi khởi kiện bà A có cung cấp*"Sổ mượn tiền"* ghi ngày 19/12 " Thi hỏi 500 triệu", bà A và bà C đều thừa nhận chữ viết ghi ngày 19/12 " Thi hỏi 500 triệu" trong sổ

mượn tiền là chữ viết của bà C và tại tòa cấp phúc thẩm bà C cũng thừa nhận. Đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại tòa cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, các bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và cho rằng đã trả đủ cho nguyên đơn vào ngày 26/3/2019 âm lịch (ngày 30/4/2019 dương lịch) và phía nguyên đơn không thừa nhận, nhưng các bị đơn phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại tòa phúc thẩm các bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối của các bị đơn. Đồng thời, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C và ông D có vay của bà A số tiền vốn 500.000.000 đồng và chưa trả tiền là có căn cứ.

[5] Đối với kháng cáo của bà C về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc nguyên đơn trả lại số tiền lãi mà bị đơn đã đóng 02 tháng lãi (tháng 4 và tháng 5/2019AL) là 25.000.000 đồng. **Xét thấy**, Tại tòa cấp sơ thẩm bà C không yêu cầu đòi lại tiền lãi hay tính lại lãi suất đã đóng vượt, nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét là đúng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm phía bị đơn mới yêu cầu đòi lại số tiền lãi đã trả cho bà A 02 tháng là 25.000.000 đồng, còn phía ông B đại diện theo ủy quyền của bà A không đồng ý trả lại tiền lãi 25.000.000 đồng nhưng đồng ý tính lãi lại từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1,66%/tháng, cụ thể như sau:

- Phần vốn được tính lãi từ ngày 19/12/2018 âl (nhằm ngày 24/01/2019 dl) đến ngày 31/10/2019 là 9 tháng 07 ngày là:

+ 500.000.000 đ x 1,66%/tháng x 9 tháng 04 ngày =76.636.666 đ tiền lãi;

+ Khấu trừ phần lãi đã đóng: 76.636.666 đ – 62.500.000 đ=14.136.666đ.

Như vậy, bà C và ông D còn phải trả vốn lãi cho bà A (500.000.000 đ + 14.136.666 đ) là 514.136.666 đồng

Tại tòa, ông B là người đại diện theo ủy quyền của bà A đồng ý bớt cho bà C và ông D phần lãi là 14.136.666 đồng và chỉ yêu cầu bà C và ông D trả phần vốn là 500.000.000 đồng Hội đồng xét xử ghi nhận, nên kháng cáo của bà C yêu cầu trả số tiền lãi mà bà đã trả cho bà A 02 tháng bằng 25.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận, vì phần lãi dôi ra phía bên nguyên đơn cũng đã bớt cho phía các bị đơn.

[6] Đối với người làm chứng là ông NLC 1 cho rằng vào ngày 26 hay ngày 27/4/2019 DL, ông có đến nhà ông NLC 2 là chồng bà A nhờ vay tiền dùm thì ông NLC 2 cho rằng D (chồng bà C tên D) mới trả tiền xong (không nói trả bao nhiêu) không biết có hỏi vay được hay không. **Xét thấy**, bà C cho rằng bà đã trả tiền cho bà A ngày 26/3/2019AL (nhằm ngày 30/4/2019DL), nhưng ông NLC 1 lại nhờ ông NLC 2 hỏi dùm ngày 26 hay 27/4/2019DL là trước ngày bà C đã trả tiền xong cho

bà A, nên lời khai của ông NLC 1 không có căn cứ và phía ông NLC 2 không thừa nhận có nói với ông NLC 1 việc bà C trả tiền cho bà A xong.

[7] Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn bà C là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại tòa phía ông B đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bớt cho bị đơn phần lãi đôi ra, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sữa bản án sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm cũng được điều chỉnh lại cho phù hợp và việc sửa án sơ thẩm không liên quan đến phần có kháng cáo, nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà C.

- Ghi nhận sự tự nguyên của ông B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A đồng ý bớt phần lãi cho bà C và ông D. Sữa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc các bị đơn bà C, ông D có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.915.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng), theo biên lai số 0009236 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà C phải chịu là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000 321 ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn bà C đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT PHÚC THẨM TAND TỈNH SÓC TRĂNG

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trương Tố Hương **Nguyễn Văn Dũ** **Hồ Văn Phụng**